

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Các Vụ thuộc Bộ (Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Hợp tác quốc tế) tham mưu, báo cáo Bộ bố trí kinh phí từ các nguồn đầu tư, sự nghiệp, nguồn vốn nước ngoài tài trợ cho Bộ và các nguồn kinh phí khác thuộc quản lý của Bộ để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị.
- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí thực hiện từ các nguồn kinh phí được Nhà nước giao, các nguồn huy động, xã hội hóa, các nguồn hợp tác phát triển khác.



IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN



1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động và nhiệm vụ được Bộ phân công tại phụ lục của Kế hoạch hành động để triển khai thực hiện. Lồng ghép các nội dung của Kế hoạch hành động này với các chương trình, đề án, dự án đang thực hiện để có thể thực hiện ngay. Đối với các nhiệm vụ mới, sau khi xác định được nguồn lực cần chủ động xây dựng các dự án, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Hàng năm, trước ngày 15/12, các đơn vị báo cáo tiến độ, kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý, gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Trồng trọt) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
2. Cục Trồng trọt là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách về phát triển trồng trọt; xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án ưu tiên thực hiện Chiến lược; tổ chức kiểm tra, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện 5 năm và tổng kết Chiến lược.
3. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, nâng cao năng lực, góp phần thực hiện các nội dung của Kế hoạch hành động.

4. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính căn cứ đề xuất, nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí theo quy định để triển khai các nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.
5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
 - Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện Chiến lược tại địa phương và phân cấp trách nhiệm cụ thể cho các ngành, các cấp thực hiện Chiến lược phù hợp với điều kiện của địa phương.
 - Nghiên cứu, ban hành cơ chế huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ với Chiến lược. Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư do tỉnh quản lý, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện các chương trình, đề án, dự án... hoàn thành các mục tiêu Chiến lược đề ra.
 - Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá Chiến lược theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6. Các hiệp hội, doanh nghiệp chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược và Kế hoạch này.



Lời cảm ơn

Văn phòng Chương trình Hỗ trợ quốc tế (ISG), Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Cục Trồng trọt đã cung cấp thông tin và hỗ trợ thực hiện bản Tóm lược chính sách này.

Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 811/QĐ-BNN-TT ngày 20/3/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung sau:

NỘI DUNG

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU



1. Mục đích

- a) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng và giải pháp thành các hoạt động cần thiết, cần ưu tiên thực hiện để thống nhất trong hành động của toàn ngành về triển khai Chiến lược; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đảm bảo đồng bộ, kịp thời và thống nhất.
- b) Triển khai thực hiện hiệu quả, có chất lượng các nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao trong Chiến lược nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành; gắn kết giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các Bộ, ngành trung ương, địa phương trên phạm vi cả nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.



2. Yêu cầu

- a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chiến lược đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Chiến lược.
- b) Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Chiến lược và Kế hoạch hành động này, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng, giải pháp đã đặt ra trong Chiến lược, Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ.



II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

STT	Nhiệm vụ
I	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
1	Tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; Truyền thông phổ biến các văn bản pháp luật về lĩnh vực trồng trọt
2	Xây dựng Kế hoạch hành động của Bộ NN&PTNT triển khai Chiến lược
3	Chỉ đạo xây dựng lồng ghép định hướng Chiến lược phát triển trồng trọt trong định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Bộ NN&PTNT; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn quản lý về quan điểm, định hướng của Chiến lược
II	TRIỂN KHAI CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHIẾN LƯỢC
1	Xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế chính sách
1.1	Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và các văn bản hướng dẫn; các cơ chế, chính sách hiện hành
1.2	Rà soát quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về trồng trọt
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, Luật Trồng trọt và các văn bản hướng dẫn
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và các văn bản hướng dẫn
-	Xây dựng Nghị định Quy định chi tiết về đất trồng lúa
-	Tham gia rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các văn bản QPPL có liên quan
2	Đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh
2.1	Tổ chức triển khai hiệu quả các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trồng trọt đảm bảo mục tiêu của Chiến lược
2.2	Hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp
3	Phát triển thị trường nông sản
3.1	Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường nông sản. Phổ biến đến doanh nghiệp, người dân về chính sách thương mại, thị hiếu, giá cả, rào cản kỹ thuật...của các quốc gia, khu vực
3.2	Tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội thảo, diễn đàn xúc tiến thương mại, hoạt động kết nối các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản
3.3	Đàm phán mở cửa thị trường, tháo gỡ các rào cản kỹ thuật của thị trường đối với các sản phẩm nông sản
4	Khoa học công nghệ và khuyến nông
4.1	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý vật tư nông nghiệp, sản xuất, kiểm dịch, bảo vệ thực vật, thu hoạch, chế biến, chất lượng sản phẩm trồng trọt và an toàn thực phẩm; hài hoà tiêu chuẩn của Việt Nam với tiêu chuẩn khu vực, quốc tế
4.2	Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ phát triển trồng trọt, bảo vệ thực vật
4.3	Xây dựng, công nhận các vùng nông nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực
4.4	Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất theo hướng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất tuần hoàn, sản xuất hữu cơ; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, đa giá trị, mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, sản xuất kết hợp du lịch sinh thái, thực hành nông nghiệp tốt...
4.5	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia trồng trọt, bảo vệ thực vật
5	Đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý Nhà nước
5.1	Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nông nghiệp và hợp tác xã

6	Hợp tác quốc tế
6.1	Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, công nghệ sản xuất, công nghệ sau thu hoạch, đào tạo nguồn lực...
6.2	Tổ chức phổ biến các điều ước quốc tế, các Hiệp định thương mại đã ký kết
7	Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển trồng trọt
7.1	Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng các đề án
-	Đề án Nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng
-	Đề án Phát triển bền vững ngành hàng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
7.2	Tiếp tục triển khai hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án đã được phê duyệt
	Đề án tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo đến năm 2030
-	Đề án Phát triển Cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030
-	Đề án Phát triển ngành hoa, cây cảnh đến năm 2030
-	Đề án Phát triển bền vững cây ăn quả các tỉnh vùng Tây Bắc đến năm 2030
-	Đề án Tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025
-	Đề án Phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030
-	Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025
-	Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm, thủy sản đến năm 2030
-	Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020- 2030
-	Đề án Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030
-	Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030
-	Đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long
-	Đề án Phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ
-	Đề án Phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học
-	Đề án Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM)
-	Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030
7.3	Xây dựng, triển khai có hiệu quả các đề tài, dự án giống cây trồng và các đề tài, dự án trồng trọt, bảo vệ thực vật khác
8	Tổ chức kiểm tra, đánh giá
8.1	Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược
8.2	Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược

